

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 34

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

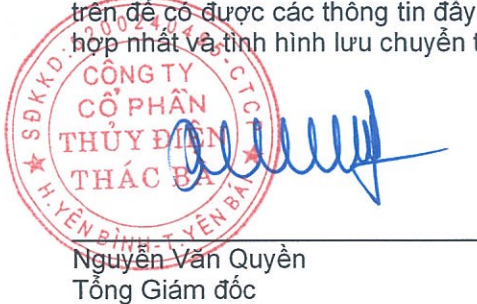
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 6 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61201381/21881478/CH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) được lập ngày 6 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0754-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		209.039.444.569	156.254.892.009
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	78.364.751.250	26.416.327.606
111	1. Tiền		17.864.751.250	5.166.327.606
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.500.000.000	21.250.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		15.965.000.000	39.459.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.1	15.965.000.000	39.459.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		110.195.400.910	81.248.863.291
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	33.628.688.387	47.339.504.337
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.647.295.062	304.870.966
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	52.412.500.000	28.015.625.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	25.270.711.239	7.651.877.625
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(2.763.793.778)	(2.063.014.637)
140	IV. Hàng tồn kho	10	4.514.292.409	4.690.271.052
141	1. Hàng tồn kho		4.514.292.409	4.690.271.052
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	4.440.430.060
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	4.440.430.060

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		826.248.340.310	874.823.220.056
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		128.871.875.000	151.284.375.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	128.871.875.000	151.284.375.000
220	II. Tài sản cố định		261.967.796.173	303.342.744.655
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	245.591.801.862	286.711.583.893
222	Nguyên giá		1.465.531.469.192	1.465.355.642.715
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.219.939.667.330)	(1.178.644.058.822)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.375.994.311	16.631.160.762
228	Nguyên giá		20.718.322.400	20.635.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.342.328.089)	(4.004.161.638)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.990.801.328	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	9.990.801.328	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	6.2	424.673.176.764	418.793.176.764
251	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	337.624.176.764
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.880.000.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		744.691.045	1.402.923.637
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		744.691.045	1.402.923.637
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.035.287.784.879	1.031.078.112.065

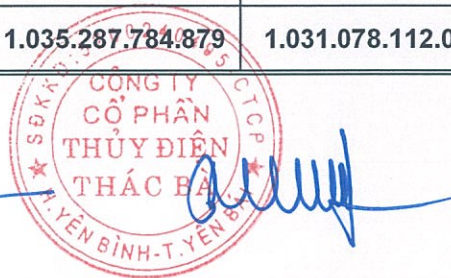
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		29.392.760.492	52.962.722.853
310	I. Nợ ngắn hạn		29.392.760.492	52.962.722.853
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		445.766.039	3.109.475.373
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.072.350.350	2.290.958.094
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.256.771.786	166.008.896
314	4. Phải trả người lao động		8.503.300.785	5.741.719.062
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.568.887.603	1.009.835.472
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.971.837.441	39.030.937.974
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	1.573.846.488	1.613.787.982
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.005.895.024.387	978.115.389.212
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.005.895.024.387	978.115.389.212
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		370.895.024.387	343.115.389.212
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		212.327.389.212	215.068.435.755
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		158.567.635.175	128.046.953.457
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.035.287.784.879	1.031.078.112.065

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	329.826.613.863	267.814.517.324
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	329.826.613.863	267.814.517.324
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(129.402.365.940)	(116.141.546.865)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		200.424.247.923	151.672.970.459
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	26.179.712.696	33.268.243.562
22	7. Chi phí tài chính		-	2.739.000.000
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(30.496.787.540)	(29.343.195.427)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		196.107.173.079	158.337.018.594
31	10. Thu nhập khác		1.340.417.027	566.868.802
32	11. Chi phí khác		(663.038.638)	(346.053.442)
40	12. Lợi nhuận khác		677.378.389	220.815.360
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		196.784.551.468	158.557.833.954
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(38.216.916.293)	(30.510.880.497)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		158.567.635.175	128.046.953.457



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		196.784.551.468	158.557.833.954
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		42.901.631.806	44.392.728.964
03	Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng		700.779.141	(2.444.962.114)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(26.179.712.696)	(33.268.243.562)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		214.207.249.719	167.237.357.242
09	Giảm các khoản phải thu		4.631.627.937	28.672.146.333
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		175.978.643	(506.805.909)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		2.114.385.092	(5.980.188.670)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		658.232.592	(531.033.689)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.470.000.000)	(35.098.798.715)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	51.420.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.451.517.000)	(3.031.759.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		185.865.956.983	150.812.337.501
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(16.753.967.213)	(3.366.419.212)
23	Tiền chi cho vay, mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(139.895.000.000)	(255.639.500.000)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		161.404.625.000	445.557.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.289.631.309)	(300.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.626.997.683	36.720.806.986
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.906.975.839)	(76.728.112.226)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

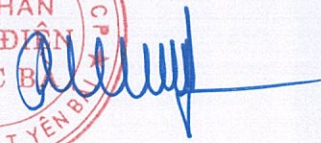
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(127.010.557.500)	(126.996.592.815)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(127.010.557.500)	(126.996.592.815)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		51.948.423.644	(52.912.367.540)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.416.327.606	79.328.695.146
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	78.364.751.250	26.416.327.606



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 126 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 127).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con với thông tin chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty cũng có một công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 4 và 6.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 6 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập ("Chi nhánh") như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Báo cáo tài chính của Chi nhánh được lập cùng niên độ báo cáo và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính của Chi nhánh và của Văn phòng Công ty.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, thu hộ, chi hộ giữa Chi nhánh và Văn phòng Công ty được căn trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được đánh giá lại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐB ngày 28 tháng 6 năm 2012, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 ngày 22 tháng 2 năm 2021 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. NGHIỆP VỤ GÓP VỐN TRONG NĂM

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, một công ty liên kết

Căn cứ theo Nghị quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty, trong năm, Công ty đã góp 5.880.000.000 VND tương ứng với 49% tỷ lệ sở hữu vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 đã trở thành công ty liên kết của Công ty. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200899087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 11 năm 2020. Hoạt động chính trong năm của công ty này là đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2. .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	745.658.459	318.928.903
Tiền gửi ngân hàng	17.119.092.791	4.797.398.703
Tiền đang chuyển	-	50.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>60.500.000.000</u>	<u>21.250.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>78.364.751.250</u>	<u>26.416.327.606</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất là 3,7%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 0,5%/năm tới 4,3%/năm).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>15.965.000.000</u>	<u>15.965.000.000</u>	<u>39.459.000.000</u>	<u>39.459.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.965.000.000</u>	<u>15.965.000.000</u>	<u>39.459.000.000</u>	<u>39.459.000.000</u>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 9 đến 10 tháng và hưởng lãi suất từ 5,4%/năm đến 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: từ 6,5%/năm đến 7,4%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	-		337.624.176.764	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (i)	50,94%	337.624.176.764	-	(i) 50,94%	337.624.176.764	-	(i)
Đầu tư vào công ty liên kết		5.880.000.000	-		-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (ii)	49%	5.880.000.000	-	(ii) -	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	-		81.169.000.000	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (iii)	0,6%	32.619.000.000	-	0,6%	32.619.000.000	-	40.380.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (iv)	5%	48.550.000.000	-	(iv) 5%	48.550.000.000	-	(iv)
TỔNG CỘNG		424.673.176.764	-		418.793.176.764	-	

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 50,94% quyền biểu quyết tương ứng 25.260.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết tương ứng 8.465.289 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2020 là 19.000 VND/cổ phiếu.
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu của khách hàng	7.849.924.677	5.409.996.682
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	3.790.965.910	4.290.969.910
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	1.929.428.233	-
- Phải thu các khách hàng khác	2.129.530.534	1.119.026.772
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	25.778.763.710	41.929.507.655
TỔNG CỘNG	33.628.688.387	47.339.504.337
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.763.793.778)	(2.063.014.637)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

8.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Số tiền (VND)</i>	<i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Mường Hum – công ty con	10.000.000.000	Gốc và lãi vay được trả định hàng quý, đáo hạn vào ngày 30 tháng 7 năm 2021	6,5%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – công ty liên kết của công ty mẹ	20.000.000.000	Lãi vay được trả hàng quý; gốc vay được thanh toán khi đáo hạn vào ngày 5 tháng 3 năm 2021	6,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	30.000.000.000			

8.2 Phải thu về cho vay dài hạn

Chi tiết khoản phải thu về cho vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Số tiền (VND)</i>	<i>Kỳ hạn nhận gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Mường Hum – công ty con	151.284.375.000	Gốc và lãi vay được trả hàng quý; với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 9 năm 2027	8,85%	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>				
Cho vay dài hạn đến hạn thu	22.412.500.000			
Cho vay dài hạn	128.871.875.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*)	13.948.340.515	-
Ký quỹ mở thư tín dụng	9.546.080.528	-
Phải thu tiền cổ tức	750.000.000	1.500.000.000
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	540.671.568	5.240.757.555
Phải thu khác	485.618.628	911.120.070
TỔNG CỘNG	<u>25.270.711.239</u>	<u>7.651.877.625</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn với bên khác</i>	<i>11.132.010.436</i>	<i>3.358.502.222</i>
<i>Phải thu ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>14.138.700.803</i>	<i>4.293.375.403</i>

(*) Đây là khoản phải thu lại từ Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTB ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 ngày 22 tháng 2 năm 2021 ký kết giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến số tiền phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được Công ty nộp vào ngân sách nhà nước theo Nghị định 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	4.009.565.139	-	4.041.256.079	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	415.971.228	-	583.468.623	-
Công cụ, dụng cụ	88.756.042	-	65.546.350	-
TỔNG CỘNG	<u>4.514.292.409</u>	<u>-</u>	<u>4.690.271.052</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	651.758.384.032	787.104.124.303	19.807.912.681	6.567.767.154	117.454.545	1.465.355.642.715
- Mua trong năm	-	707.050.000	716.363.636	-	-	1.423.413.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(743.104.802)	(470.527.793)	(33.954.564)	-	(1.247.587.159)
Số cuối năm	651.758.384.032	787.068.069.501	20.053.748.524	6.533.812.590	117.454.545	1.465.531.469.192
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	13.020.671.339	505.546.462.302	11.656.082.460	4.662.308.683	-	534.885.524.784
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	495.325.659.911	663.997.545.729	14.306.250.245	4.931.425.080	83.177.857	1.178.644.058.822
- Khấu hao trong năm	20.608.341.468	20.656.396.436	834.389.943	437.549.636	6.518.184	42.543.195.667
- Thanh lý, nhượng bán	-	(743.104.802)	(470.527.793)	(33.954.564)	-	(1.247.587.159)
Số cuối năm	515.934.001.379	683.910.837.363	14.670.112.395	5.335.020.152	89.696.041	1.219.939.667.330
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	156.432.724.121	123.106.578.574	5.501.662.436	1.636.342.074	34.276.688	286.711.583.893
Số cuối năm	135.824.382.653	103.157.232.138	5.383.636.129	1.198.792.438	27.758.504	245.591.801.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
- Mua trong năm	-	160.000.000	160.000.000
- Giảm khác	-	(77.000.000)	(77.000.000)
Số cuối năm	<u>20.558.322.400</u>	<u>160.000.000</u>	<u>20.718.322.400</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	3.927.161.638	77.000.000	4.004.161.638
- Hao mòn trong năm	411.166.452	3.999.999	415.166.451
- Giảm khác	-	(77.000.000)	(77.000.000)
Số cuối năm	<u>4.338.328.090</u>	<u>3.999.999</u>	<u>4.342.328.089</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>16.631.160.762</u>	-	<u>16.631.160.762</u>
Số cuối năm	<u>16.219.994.310</u>	<u>156.000.001</u>	<u>16.375.994.311</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nâng cấp hệ thống DCS	9.230.801.328	-
Hệ thống kích từ, điều tốc của các tổ máy phát điện và hệ thống rơ le đường dây 110KV đến DCS	<u>760.000.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>9.990.801.328</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	(3.953.792.768)	38.216.916.293	(32.470.000.000)	1.793.123.525
Thuế tài nguyên	(14.909.509)	35.898.261.494	(33.543.191.312)	2.340.160.673
Thuế giá trị gia tăng	(471.727.783)	30.656.830.785	(28.253.044.845)	1.932.058.157
Thuế thu nhập cá nhân	166.008.896	1.798.141.907	(1.772.721.372)	191.429.431
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	4.845.038.000	(4.845.038.000)	-
Thuế khác	-	342.219.213	(342.219.213)	-
TỔNG CỘNG	(4.274.421.164)	111.757.407.692	(101.226.214.742)	6.256.771.786
Trong đó:				
Thuế phải nộp	166.008.896			6.256.771.786
Thuế phải thu	(4.440.430.060)			-

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.766.288.000	767.945.454
Mua sắm tài sản cố định	4.430.799.603	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	371.800.000	241.890.018
TỔNG CỘNG	6.568.887.603	1.009.835.472

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng	4.017.979.692	1.325.712.096
Thù lao hỗ trợ công tác quản lý điều hành	455.000.000	-
Cổ tức phải trả	146.891.749	157.449.249
Phải trả tiền mua cổ phần	-	37.409.631.309
Phải trả khác	351.966.000	138.145.320
TỔNG CỘNG	4.971.837.441	39.030.937.974

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.613.787.982	1.150.857.385
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 18.1)	3.500.000.000	3.500.000.000
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(3.539.941.494)	(3.037.069.403)
Số cuối năm	1.573.846.488	1.613.787.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	635.000.000.000	250.606.435.755	885.606.435.755
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	128.046.953.457	128.046.953.457
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(31.750.000.000)	(31.750.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Số cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>343.115.389.212</u>	<u>978.115.389.212</u>
Năm nay			
Số đầu năm	635.000.000.000	343.115.389.212	978.115.389.212
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	158.567.635.175	158.567.635.175
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 17) (*)	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
- Cổ tức công bố (*)	-	(127.000.000.000)	(127.000.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách (*)	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Số cuối năm	<u>635.000.000.000</u>	<u>370.895.024.387</u>	<u>1.005.895.024.387</u>

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền và trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 được thực hiện theo Nghị quyết số 429/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

18.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	63.500.000	63.500.000	-	63.500.000	63.500.000	-
TỔNG CỘNG	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	<u>-</u>	<u>63.500.000</u>	<u>63.500.000</u>	<u>-</u>

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E (công ty mẹ từ ngày 16 tháng 11 năm 2020) (*)	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	<u>635.000.000.000</u>	<u>100%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn cổ phần (tiếp theo)

(*) Vào ngày 13 tháng 11 năm 2020, Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh R.E.E đã chuyển nhượng toàn bộ 38.365.168 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 60,42% tại Công ty cho Công ty TNHH Năng lượng R.E.E, công ty cùng Tập đoàn. Kể từ ngày này, Công ty TNHH Năng lượng R.E.E đã trở thành công ty mẹ của Công ty.

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	127.000.000.000	31.750.000.000
Cổ tức đã trả	127.010.557.500	126.996.592.815

18.4 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2018 đợt 2: 500 VND/cổ phiếu	-	31.750.000.000
Cổ tức cho năm 2019: 2.000 VND/cổ phiếu	127.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 (*)	63.500.000.000	-

(*) Vào ngày 19 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền với mức chi trả 1.000 VND/cổ phiếu tại Nghị quyết số 104/NQ-TĐTB-HĐQT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	194	337

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	329.826.613.863	267.814.517.324
Trong đó		
Doanh thu bán điện	317.032.946.167	257.010.616.069
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.793.667.696	10.803.901.255
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	329.826.613.863	267.814.517.324
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	11.481.454.036	10.803.901.255
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	318.345.159.827	257.010.616.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	20.129.712.696	26.018.243.562
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.050.000.000	7.250.000.000
TỔNG CỘNG	<u>26.179.712.696</u>	<u>33.268.243.562</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	123.798.832.983	112.641.607.642
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.603.532.957	3.499.939.223
TỔNG CỘNG	<u>129.402.365.940</u>	<u>116.141.546.865</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	15.491.644.153	14.166.834.897
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.599.609.919	2.383.112.546
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	593.582.366	747.273.312
Trích lập dự phòng	700.779.141	294.037.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.339.724.927	4.042.009.289
Chi phí khác	5.771.447.034	7.709.927.497
TỔNG CỘNG	<u>30.496.787.540</u>	<u>29.343.195.427</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.519.742.946	3.639.776.701
Chi phí nhân công	40.950.419.855	36.681.363.549
Chi phí khấu hao và hao mòn	42.901.631.806	44.392.728.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.861.797.274	11.730.258.667
Chi phí khác	59.498.064.204	49.547.420.320
TỔNG CỘNG	<u>159.731.656.085</u>	<u>145.991.548.201</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.216.916.293	30.299.948.790
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	-	210.931.707
TỔNG CỘNG	<u>38.216.916.293</u>	<u>30.510.880.497</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>196.784.551.468</u>	<u>158.557.833.954</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	39.356.910.293	31.711.566.790
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	77.582.000	38.382.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.210.000.000)	(1.450.000.000)
Thu nhập không chịu thuế khác	<u>(7.576.000)</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>38.216.916.293</u>	<u>30.299.948.790</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	317.032.946.167	257.010.616.069
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ (đến ngày 16 tháng 11 năm 2020)	Cổ tức công bố Cho vay ngắn hạn Thu hồi tiền cho vay Lãi tiền cho vay	76.730.336.000 46.000.000.000 46.000.000.000 203.534.247	19.183.350.000 - - -
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	38.100.000.000	9.525.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ Cho vay Thu hồi tiền cho vay Lãi tiền cho vay	1.275.850.024 41.000.000.000 59.015.625.000 15.785.496.627	- 179.300.000.000 - 2.846.694.581
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết của Công ty mẹ cấp 1	Cho vay ngắn hạn Lãi tiền cho vay	20.000.000.000 637.260.275	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 8 năm 2020)	Góp vốn Doanh thu khác	5.880.000.000 36.363.636	- -

Các nghiệp vụ bán hàng, cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoại trừ các khoản cho vay như đã trình bày tại thuyết minh số 8, số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	25.738.763.710	41.929.507.655
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 8 năm 2020)	Phải thu về cung cấp dịch vụ	40.000.000	-
			25.778.763.710	41.929.507.655
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	13.948.340.515	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Tiền lãi vay phải thu	190.360.288	4.293.375.403
			14.138.700.803	4.293.375.403

Chi tiết thông tin khoản phải thu về cho vay bên liên quan được trình bày chi tiết ở Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 12 năm 2019)	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên HĐQT	-	72.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.116.000.000	1.008.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	687.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	672.000.000	587.000.000
TỔNG CỘNG		2.691.000.000	2.483.000.000

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

26. CÁC CAM KẾT

Cam kết về đầu tư góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có cam kết góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền 24.010.000.000 VND theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như được trình bày tại Thuyết minh số 18.4, vào ngày 26 tháng 2 năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 được công bố theo Nghị quyết số 104/NQ-TĐTB-HĐQT.

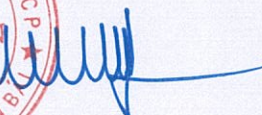
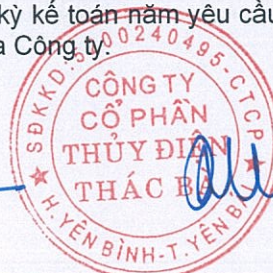
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2021